

SÁCH ĐỎ VIỆT NAM NĂM 2004 VÀ HIỆN TRẠNG CỦA SỰ ĐA DẠNG SINH HỌC Ở NƯỚC TA

ĐẶNG NGỌC THANH

Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật

Từ năm 2001 tới năm 2003, trước yêu cầu của nhiệm vụ bảo tồn sự đa dạng sinh học ở nước ta, theo đề xuất và sự tài trợ của Cục Môi trường-Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Đề án tu chỉnh và soạn thảo Sách Đỏ Việt Nam năm 2004 được tổ chức thực hiện, do Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ quốc gia (nay là Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam) chủ trì, với sự tham gia của lực lượng cán bộ khoa học các ngành trong cả nước.

Sách Đỏ Việt Nam, gồm phần động vật và phần thực vật, lần đầu tiên đã được soạn thảo và công bố trong các năm 1992 và 1996, được coi như một tài liệu khoa học mang tính quốc gia, đã góp phần quan trọng vào việc thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia về bảo tồn sự đa dạng sinh học ở nước ta, đáp ứng yêu cầu cấp bách của nhiệm vụ này trong thời gian qua. Sau khi được công bố, Sách Đỏ Việt Nam đã nhanh chóng đi vào cuộc sống, được sử dụng rộng rãi ở các ngành, các địa phương, làm căn cứ khoa học cho việc xem xét, đánh giá, xử lý các trường hợp vi phạm luật lệ, quy định của Nhà nước về cấm săn bắt, khai thác, vận chuyển, buôn bán các động vật, thực vật hoang dã có nguy cơ bị đe dọa, cũng như đề xuất các biện pháp bảo vệ cần thiết cho từng đối tượng.

Cũng cần biết rằng, ngay cả tới thời gian gần đây, trong khu vực châu Á, mới chỉ có một số nước là đã soạn thảo xong và công bố đầy đủ Sách Đỏ hoàn chỉnh của nước mình, còn hầu hết các nước khác chỉ mới soạn thảo và công bố được một phần Sách Đỏ, hoặc chỉ là Danh lục Đỏ (Red species List) hoặc Danh sách các loài bị đe dọa mà thôi.

Tuy nhiên, kể từ thời gian công bố Sách Đỏ Việt Nam trong các năm 1992 và 1996, qua 10 năm, thực trạng thiên nhiên của nước ta nói chung và sự đa dạng sinh học nói riêng, đã có

những thay đổi trước sự phát triển kinh tế xã hội nhanh chóng của đất nước trong thời kỳ đổi mới, đặc biệt là những hoạt động xây dựng, sản xuất làm biến đổi cảnh quan thiên nhiên và các điều kiện sinh thái của môi trường sống; những hoạt động khai thác tài nguyên sinh vật trong thiên nhiên chưa kiểm soát được, đã gây nên những đe dọa, tổn hại mới cho động vật, thực vật hoang dã ở nước ta. Những dữ liệu mới này cần được cập nhật, để có được những nhận định, đánh giá đúng về tình hình đa dạng sinh học, tài nguyên sinh vật thiên nhiên của nước ta ở thời điểm hiện nay. Mặt khác, sau năm 1994, các tiêu chuẩn, thứ hạng đánh giá mức độ bị đe dọa đối với các đối tượng sinh vật trong thiên nhiên do Hiệp hội Bảo tồn thiên nhiên quốc tế (IUCN) đề xuất trước đây cũng đã được chỉnh sửa theo tinh thần mới. Vì những lý do trên, việc tu chỉnh và soạn thảo Sách Đỏ Việt Nam năm 2004 nhằm phản ánh đúng tình hình thực tế của thiên nhiên nước ta cũng như hội nhập xu thế của thế giới là rất cần thiết.

Sau 2 năm thực hiện, với sự tham gia của hơn 70 cán bộ khoa học của các ngành trong cả nước, đề án đã hoàn thành việc soạn thảo cả 2 tài liệu cơ bản: Danh lục Đỏ Việt Nam năm 2004 và Sách Đỏ Việt Nam năm 2004, và đã được nghiệm thu ở cấp Nhà nước, đạt kết quả xuất sắc. Ngoài việc cập nhật tư liệu khảo sát mới tới năm 2002, áp dụng các tiêu chuẩn, thứ hạng đánh giá mức độ đe dọa mới của IUCN đề xuất năm 1994, đề án còn tổ chức khảo sát để thẩm định các tư liệu còn nghi ngờ, hội thảo và tham khảo ý kiến của các ngành liên quan, nhằm nâng cao chất lượng tài liệu.

Kết quả thực hiện đề án đã cho thấy một tình hình mới về sự đa dạng sinh học ở nước ta sau 10 năm, kể từ khi công bố Sách Đỏ Việt Nam các năm 1992 và 1996. Tổng số loài động vật, thực vật hoang dã trong thiên nhiên đang bị

đe dọa ở các mức độ khác nhau, được công bố trong Sách Đỏ Việt Nam năm 2004 đã lên tới 857 loài (407 loài động vật và 450 loài thực vật). So với số liệu tương ứng đã công bố trong Sách Đỏ Việt Nam các năm 1992 và 1996 là 709 loài bị đe dọa (359 loài động vật và 350 loài thực vật), có thể thấy rằng, nhìn chung, số lượng loài bị đe dọa đã tăng lên đáng kể. Tuy nhiên, điều đáng quan tâm hơn là mức độ bị đe dọa ở từng thành phần động vật, thực vật trong thiên nhiên cũng đã có những thay đổi rất đáng báo động.

Trong thành phần động vật, nếu như trong Sách Đỏ Việt Nam năm 1992, nhìn chung, mức độ bị đe dọa cao nhất ở các loài chỉ mới ở thứ hạng nguy cấp (EN-endangered), thì ở Sách Đỏ Việt Nam năm 2004, đã có tới 6 loài được coi là đã bị tuyệt chủng trong lãnh thổ nước ta. Về thú rừng, có 3 loài: tê giác hai sừng (*Dicerorhinus sumatrensis*), heo vòi (*Tapirus indicus*) và cây rái cá (*Cynogale lowei*) có thể coi là đã tuyệt chủng hoàn toàn (EX-extinct), còn loài hươu sao (*Cervus nippon*) chỉ còn tồn tại ở tình trạng nuôi dưỡng, nhưng đã tuyệt chủng ngoài thiên nhiên (EW-extinct in the wild). Trong số động vật ở nước, loài cá chép gốc (*Procypris merus*) và loài cá sấu hoa cà (*Crocodylus porosus*) cũng được coi là đã tuyệt chủng hoàn toàn trong thiên nhiên lãnh thổ nước ta.

Trong thành phần thực vật, hiện nay chưa thấy có các loài bị coi là đã tuyệt chủng, song cũng như ở động vật, một số lớn loài trước đây, trong Sách Đỏ Việt Nam năm 1996, còn được xếp trong diện sẽ nguy cấp (VU-vulnerable), thì nay sau 10 năm, đã phải chuyển sang diện nguy cấp (EN-endangered), trong đó một tỷ lệ khá lớn đã tới mức độ rất nguy cấp (CR-critically endangered).

Trong các loài động vật, hiện nay đã có tới 149 loài được coi là nguy cấp, tăng hơn rất nhiều so với 71 loài trong Sách Đỏ Việt Nam năm 1992, tới 46 loài được coi là rất nguy cấp, trong đó nhiều nhất là ở các nhóm: thú rừng (12 loài), chim (11 loài), bò sát-ếch nhái (9 loài), côn trùng (4 loài). Các loài thú rừng thuộc diện này có thể kể: chà và chân sấm (*Pygathrix nemaeus cinerea*), voọc mũi hếch (*Rhinopithecus avunculus*), voọc quần đùi (*Trachypithecus francoisi delacouri*), voọc đầu trắng (*T. francoisi poliocephalus*), hổ đồng dương (*Panthera tigris corbetti*), voi (*Elephas*

maximus), tê giác một sừng (*Rhinoceros sondaicus*), trâu rừng (*Bubalus bubalis*), bò biển (*Dugong dugong*)... Các loài chim được coi là rất nguy cấp có thể kể: vạc hoa (*Gorsachius magnificus*), quắm cánh xanh (*Pseudibis davisoni*), ngan cánh trắng (*Cairina scutulata*), đại bàng đầu nâu (*Aquila heliaca*), kền kền (*Gyps bengalensis*), gà lôi mào đen (*Lophura imperialis*), gà lôi tía (*Tragopan temminckii*)... bò sát-ếch nhái có những loài như: trăn đất (*Python molurus*), trăn gấm (*P. reticulatus*), rắn hổ mang chúa (*Ophiophagus hannah*), rùa da (*Dermochelys coriacea*), quần đồng (*Caretta caretta*), cá sấu xiêm (*Crocodylus siamensis*)... Các loài động vật biển thuộc diện này, ngoài các loài rùa biển và thú biển, còn có thể kể một số loài cá san hô, một số loài trai ốc biển quý hiếm, như: ốc tù và hoa (*Charonia tritonis*), ốc đụn (*Trochus niloticus*), ốc xà cừ (*Turbo marmoratus*), ốc anh vũ (*Nautilus pompilius*)... Đặc biệt là một số loài côn trùng có hình dáng đặc sắc, màu sắc đẹp, bị săn bắt quá nhiều, hiện nay cũng đang là đối tượng thuộc diện rất nguy cấp, như: kạp kim sừng kiếm (*Dorcus curvidens curvidens*), kạp kim lớn (*D. grandis*), bọ hung ba sừng (*Chalcosoma atlas*), cánh cam xanh bốn chấm (*Jumnos ruckeri tonkinensis*).

Trong các loài thực vật, nếu trong Sách Đỏ Việt Nam năm 1996 mới chỉ có 24 loài thuộc diện nguy cấp, thì nay đã có tới 192 loài, trong đó có 45 loài được coi là rất nguy cấp. Phần lớn số loài thuộc diện này là thuộc ngành Mộc Lan (Hạt kín) và ngành Thông (Hạt trần). Trong số các loài thực vật rất nguy cấp hiện nay, có các cây gỗ quý, như: hoàng đàn rủ-ngọc am (*Cupressus funebris*), hoàng đàn (*C. torulosa*), bách vàng (*Xanthocyparis vietnamensis*), bách tán đài loan (*Taiwania cryptomerioides*); các cây thuốc quý như: ba gạc hoa đỏ (*Rauwolfia serpentina*), sâm vũ điệp (*Panax bipinnatifidus*), tam thất hoang (*P. stipuleanatus*); các loài thực vật đặc hữu của Việt Nam như: giắc đế tam đảo (*Goniothalamus takhtajanii*), sao lá cong (*Shorea falcata*); các cây làm cảnh quý hiếm như: lan hài đỏ (*Paphiopedelum delenatii*), lan hài điểm ngọc (*P. emersonii*), lan hài tam đảo (*P. gratixianum*), lan hài hêlen (*P. helenae*).

Đồng thời, so với Sách Đỏ Việt Nam các năm 1992 và 1996, số loài được đánh giá ở mức

độ sẽ nguy cấp (VU-vulnerable) hiện nay cũng đã tăng lên rất nhiều. Ở thực vật, số loài được xếp vào thứ hạng VU trước đây là 61 loài, nay đã tăng lên tới 209 loài; còn ở động vật, trước đây là 92 loài, nay đã là 173 loài. Số tăng nhiều hơn cả là ở nhóm chim (23/6), cá nước ngọt (22/15), thú (31/25), côn trùng (8/3), động vật biển (37/12). Ở thực vật, ngành Mộc Lan trước đây chỉ có 48 loài được coi là sẽ nguy cấp (VU) thì nay, trong Sách Đỏ Việt Nam năm 2004, đã là 180 loài; ngành Thông, trước đây mới có 6 loài được coi là sẽ nguy cấp, nay đã là 18 loài.

Một điều rất đáng lưu ý là, có những loài động vật hoang dã trên lãnh thổ nước ta được coi là đã tuyệt chủng ngoài thiên nhiên, như: tê giác hai sừng, heo vòi, cây rái cá, cá chép gốc... hoặc có thể là đã tuyệt chủng, như bò sấm, thì theo tư liệu của IUCN, lại vẫn còn tồn tại trên lãnh thổ của một số quốc gia lân cận.

Từ những dẫn liệu trên đây, có thể nêu lên một số nhận xét bước đầu về tình hình đa dạng sinh học ở nước ta hiện nay.

1. Qua một thời gian chỉ trong khoảng 10 năm, tình trạng số lượng động vật, thực vật hoang dã trong thiên nhiên ở nước ta đã có những biến đổi đáng kể. Số loài bị đe dọa giảm sút số lượng (nguy cấp và rất nguy cấp) đã tăng lên rõ rệt; một số loài đã có thể coi như tuyệt chủng, điều chưa thấy có trong 10 năm trước đây, trong khi vẫn còn tồn tại ở các quốc gia lân cận. Trong sự phát triển kinh tế xã hội nhanh chóng ở nước ta trong thời kỳ đổi mới, tốc độ biến đổi của tình hình đa dạng sinh học, thể hiện một phần ở tình trạng sinh vật hoang dã trong thiên nhiên, cũng diễn ra tương đối nhanh trong thời gian vừa qua ở nước ta.

2. Thành phần động vật, thực vật bị đe dọa không chỉ là các đối tượng có giá trị kinh tế cao, bị khai thác quá mức, mà còn bao gồm cả những đối tượng khác ngoài giá trị kinh tế (giá trị khoa học), bị đe dọa do các nguyên nhân gián tiếp, như do môi trường sống, nơi sinh cư bị phá hoại, vùng phân bố bị thu hẹp, do các hoạt động của con người.

3. Bên cạnh đó, lại có những loài có giá trị cao, đang có nguy cơ bị đe dọa, song sớm được con người có biện pháp bảo vệ, như nuôi dưỡng, chăm sóc trong các khu bảo tồn thiên nhiên,

khoanh vùng cấm săn bắt... nên số lượng đã sớm được phục hồi, thoát ra khỏi tình trạng bị đe dọa ở mức độ cao, như: hươu sao, voọc đầu trắng, một số loài gà lôi, trăn, cá sấu, cây gỗ lát hoa... Nhằm mục tiêu này, trong Sách Đỏ Việt Nam, cùng với việc đánh giá, phân hạng mức độ bị đe dọa, còn đề xuất cả các biện pháp, nhằm phục hồi số lượng các loài đang có chiều hướng bị giảm sút.

Nguyên nhân của tình hình trên của sự đa dạng sinh học ở nước ta hiện nay, chủ yếu là do động vật, thực vật hoang dã bị khai thác quá mức, không kiểm soát nổi, hoặc do vùng phân bố tự nhiên bị thu hẹp, nơi sinh cư bị phá hoại do các hoạt động kinh tế: mở rộng sản xuất, hoạt động du lịch trên các vùng rừng núi, trên biển, phát triển đô thị, mở rộng các khu dân cư, làm đường giao thông... chưa chú ý đầy đủ tới việc bảo vệ các điều kiện sinh thái của môi trường sống của sinh vật hoang dã.

Việc hoàn thành soạn thảo Sách Đỏ Việt Nam năm 2004 đã góp phần vào việc đánh giá tình hình hiện nay của sự đa dạng sinh học ở nước ta, thể hiện một phần ở tình trạng sinh vật hoang dã trong thiên nhiên, cũng như dự đoán được xu thế phát triển trong thời gian tới, làm cơ sở cho việc soạn thảo Luật bảo vệ sự đa dạng sinh học ở Việt Nam hiện đang được tiến hành. Đồng thời, cũng đặt ra những nhiệm vụ cấp bách về bảo tồn tài nguyên sinh vật thiên nhiên của nước ta, không chỉ chú trọng các sinh vật có giá trị về mặt kinh tế, mà cả về giá trị khoa học, văn hóa của đất nước. Cần kiểm soát chặt chẽ hơn việc khai thác, bảo vệ tốt hơn các điều kiện sinh thái của môi trường sống của sinh vật hoang dã ngoài thiên nhiên, thực hiện nghiêm chỉnh các luật lệ, quy định của Nhà nước đã ban hành về bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên. Cần tăng cường hoạt động của các khu bảo tồn thiên nhiên trên đất liền và ở biển hiện có và sẽ có, với chức năng bảo vệ chủ động, tích cực vốn đa dạng sinh học quý của đất nước. Sách Đỏ Việt Nam là công cụ góp phần quan trọng và đặc lực cho hoạt động bảo tồn thiên nhiên, bảo tồn sự đa dạng sinh học, cần được sớm công bố và phổ biến rộng rãi để được sử dụng có hiệu quả và được tổ chức tu chỉnh, cập nhật dữ liệu qua từng thời gian 5-10 năm, để theo kịp tình hình mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Sách Đỏ Việt Nam (phần động vật)**, 1992: Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
2. **Sách Đỏ Việt Nam (phần thực vật)**, 1996: Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
3. **IUCN Red List Categories**, 1994: IUCN
4. **The Singapore Red Data Book**, 1994: Threatened Plants and Animals of Singapore.
5. **China Species Red List**, 2004: Vol.1, Red List (in chinese).
Species Survival Commission.

RED DATA BOOK 2004 OF VIETNAM

DANG NGOC THANH

SUMMARY

Contributing to the national biodiversity action plan of Vietnam, the new Red species List and Red Data Book 2004 of Vietnam have been compiled by the Vietnam Academy of Science and Technology, with the participation of 70 scientists from different ministries and agencies of the country. This new Red Data Book 2004 was a revised and updated work, based on the first Red Data Book of Vietnam, published in 1992 (animal part) and 1996 (plant part), using the IUCN Red List Criteria and Categories 1994, updated by new materials of the fauna and the flora of Vietnam, collected in last 10 years.

The new Red Data Book 2004 has showed a new situation of the biodiversity of the country after 10 years. The number of threatened species has remarkably increased, from 709 species recorded in the Red Data Book 1992-1996 to 857 species in the Red Data Book 2004. Six animal species were considered as extinct (EX) and extinct in the wild (EW). At the same time, 149 animal species were classified in the endangered category (EN); among them, 46 species were critically endangered (CR). The correspond numbers in plants were 192 endangered species and 45 critically endangered species.

The present status of the wild life in Vietnam was caused firstly by the non rational over exploitation in land, as well as in seawaters. Besides, the heavy destruction of the natural environment conditions, including the habitat of wild animals and plants, especially the forest devastation in mountainous regions, the uncontrolled destruction of coral reefs in coastal zone, were also important agents for the degeneration of the biodiversity.

In this book, for each animal and plant, suitable protection, conservation and regeneration measures for threatened species were proposed.

Ngày nhận bài: 16-01-2006